

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 247/2021/HS-ST

Ngày: 04/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn;

Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2021/TLST-HS, ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử số 01/TB-TA, ngày 12/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần H, sinh năm 1990 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Xuân A, sinh năm 1963 và bà Trương Thị B, sinh năm 1969. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Đinh L1, sinh năm 1996 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh Xuân C, sinh năm 1963 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3. Trương Xuân G, sinh năm 1996 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Xuân E, sinh năm 1957 và bà Thái Thị G, sinh năm 1956. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ

ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

4. Trương Ngọc T, sinh năm 1997 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn Y, sinh năm 1960 và bà Trương Thị K, sinh năm 1966. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

5. Trần Thanh H, sinh năm 1996 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Xuân L, sinh năm 1953 và bà Trương Thị M, sinh năm 1955. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

6. Trương Thanh L, sinh năm 1999 tại Quảng Bình. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn B, xã TH, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Thanh N, sinh năm 1977 và bà Trương Thị P, sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 30/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 33/11, khu phố T, phường BT, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Tứ C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 33/11, khu phố T, phường BT, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2019, anh Phạm Hồng S có thỏa thuận bán cho Trần H 01 lô đất thuộc thửa 190, tờ 16, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom với giá 666.000.000 đồng. H đã đặt cọc cho anh S số tiền 50.000.000 đồng. Anh S thỏa thuận với H lô đất trên sẽ được vay ngân hàng 70%, trong thời hạn 02 tháng sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hết thời hạn 02 tháng, anh S không thực hiện được thủ tục giao lô đất trên cho H. Ngày 27/8/2019, anh S viết giấy hồi cọc sẽ trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho H làm 02 đợt vào ngày 06/9/2019 và ngày 20/9/2019. Tuy nhiên sau đó anh S không thực hiện đúng cam kết với H và H không liên lạc được với anh S, nên H nảy sinh ý định sẽ tìm gặp anh S để lấy lại số tiền đã đặt cọc. Qua theo dõi trên Facebook của anh S, H biết sáng ngày 29/9/2019 anh S hẹn gặp khách Hng tại quán Cà phê “Q.Treo” thuộc phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa nên H rủ Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H cùng đi đến quán “Q.Treo” để gặp anh S đòi tiền. Khoảng 06 giờ ngày 29/9/2019, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 60B8-603.08 chở L1, L điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B1-721.73 chở G, T điều khiển xe mô tô hiệu

Exciter, biển số 73C1-082.16 chở H và cả nhóm cùng đi đến quán “Q.Treo”. Trước khi đi H đưa cho H 01 con dao gấp dài 25 cm; đưa cho G 02 cặp cùn nhị khúc (01 cặp bằng kim loại màu đen dài 28 cm, 01 cặp bằng kim loại màu trắng dài 30 cm); G mang theo 01 con dao bầu dài 50 cm để trong cốp xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B1-721.73. Khoảng 08 giờ ngày 29/9/2019, cả nhóm vào trong quán “Q.Treo” ngồi uống nước và khi thấy anh S đi vào ngồi trong quán thì H chỉ cho L1, L, T, H, G biết để theo dõi anh S. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi anh S đi vào nh vệ sinh trong quán thì H đi theo vào gặp anh S và yêu cầu anh S trả số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng nhưng anh S nói chưa có tiền trả nên cả hai cự cãi rồi H gọi điện thoại cho H mang con dao gấp vào cho H. Khi H đem con dao gấp vào đưa cho H thì H cầm dao hăm dọa anh S “hôm nay không trả tiền thì không được ra khỏi quán”. Lúc này, L1 đi vào dùng tay tát 01 cái vào mặt anh S và đâm 01 cái vào bụng anh S rồi đi ra, tiếp đó G đi vào dùng tay tát 03 cái vào mặt anh S rồi đi ra còn H tiếp tục ép buộc anh S phải trả tiền. Do hoảng sợ nên anh S gọi điện thoại về cho cha ruột là ông Phạm Tứ C nói ông C chuẩn bị 50.000.000 đồng để trả cho H nhưng ông C không đồng ý. Thấy vậy, anh S đưa điện thoại cho H nói chuyện với ông C và H hăm dọa ông C “nếu không trả tiền thì không thấy S nữa đâu”, nghe vậy nên ông C hoảng sợ và đồng ý sẽ mang tiền đưa cho H. Do sợ bị phát hiện nên H gọi L1, L, G, T, H đưa anh S ra xe và H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 60B8-603.08 chở anh S ngồi giữa và H ngồi phía sau giữ anh S, L điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B1-721.73 chở G, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, biển số 73C1-082.16 chở L1 chạy theo cùng đưa anh S đến 01 căn chòi bỏ hoang tại khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa. Tại đây, L1 dùng tay tát anh S 01 cái còn H tiếp tục dùng dao đe dọa và yêu cầu anh S gọi điện thoại cho ông C mang 50.000.000 đồng lên trả cho H. Do điện thoại hết pin nên anh S mượn điện thoại của H gọi cho ông C nói mang tiền đến và anh S đưa điện thoại cho H nói chuyện với ông C, H tiếp tục đe dọa ông C “trong chiều nay không mang tiền lên trả thì sẽ không gặp được S nữa”. Lúc này, ông C nói với H không có đủ tiền và xin trả trước 20.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng sẽ trả sau thì H đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H lại yêu cầu cả nhóm đưa anh S đến quán Cà phê “Kiều Diễm” thuộc khu phố 8, phường Long Bình và giữ anh S ngồi ở đây để chờ ông C đem tiền đến. Sau khi thỏa thuận với H thì ông C đã đến Công an phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa trình báo và Công an phường Tân Biên đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông C gọi điện liên lạc hẹn H ra khu vực “Cầu sập” thuộc, khu phố 5B, phường Tân Biên để lấy tiền. Khoảng 10 phút sau thì H điều khiển xe mô tô chở L1 đi đến khu vực “Cầu sập” gặp ông C để lấy tiền thì bị tổ công tác của Công an thành phố Biên Hòa và Công an phường Long Bình bắt giữ, sau đó tổ công tác của Công an thành phố Biên Hòa và Công an phường Long Bình tiếp tục đến quán cà phê “Kiều Diễm” bắt giữ L, T, H, G và giải thoát anh S rồi đưa tất cả về Công an phường Long Bình lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

Vật chứng trong vụ án, gồm:

- 01 con dao gấp dài 25 cm thu giữ trong người Đinh L1 do sau khi sử dụng thì Trần H đưa cho Đinh L1 cất giữ.

- 01 cặp côn nhĩ khúc bằng kim loại màu đen dài 28 cm, 01 cặp côn nhĩ khúc bằng kim loại màu trắng dài 30 cm và 01 con dao bầu dài 50 cm thu giữ của Trương Xuân G.

- 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B1-721.73 do Trương Xuân G mượn của anh trai là Trương Xuân G1, anh G1 không biết G sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh G1.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 60B8-603.08 do Trần H mượn của anh trai là Trần Đức H1, anh H1 không biết H sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh H1.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 73V1-7440 do Trương Thanh L mượn của anh trai là Trương Xuân T1, anh T1 không biết L sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh T1.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 73C1-082.16 do Trương Ngọc T mượn của anh trai là Trương Ngọc T2, anh T2 không biết T sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh T2.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A8 do Trần H mượn của anh trai là Trần Đức H1, anh H1 không biết H sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh H1.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 và 300.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Trương Thanh L do không liên quan đến vụ án.

- 2.020.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân mang tên Trần H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Trần H do không liên quan đến vụ án.

- 01 thẻ căn cước công dân và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Đinh L1 do không liên quan đến vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 do Trần Thanh H mượn của anh trai là Trần Đình N, anh N không biết H sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh N.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 do Trương Ngọc T mượn của chị ruột là Trương Thị X, chị X không biết T sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chị X.

- 01 ví da, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank, 01 giấy phép lái xe, 20.000 đồng, 01 tờ giấy bạc Campuchia, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Trương Ngọc T do không liên quan đến vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Phạm Hồng S.

Tại cáo trạng số 531/CT-VKSBH, ngày 15 tháng 9 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân tHnh phố Biên Hòa truy tố các bị cáo về tội: “Bắt, giữ người trái pháp

luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Ngày 19/01/2021, Tòa án đã ban Hnh Quyết định số 02/2021/HSST-QĐ trả hồ sơ để điều tra bổ sung về mục đích, động cơ phạm tội của các bị cáo. Ngày 29/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Biên Hòa có văn bản số 4509/CV-VKSBH giữ nguyên quan điểm truy tố.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, nêu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với Hnh vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần H, Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần H từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù về tội về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; xử phạt các bị cáo Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù về tội về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức rõ về Hnh vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về Hnh vi thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/09/2019, Trần H, Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H đã thực hiện Hnh vi sử dụng 01 con dao gấp dài 25 cm để đe dọa, bắt giữ và đánh anh Phạm Hồng S nhằm chiếm đoạt 50.000.000 đồng thì bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người, quyền nhân thân, quyền sở hữu tài

sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Cướp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 157 và điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện Hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Các bị cáo là các đồng phạm giản đơn; trong vụ án này, bị cáo Trần H là người rủ rê, cầm đầu và trực tiếp thực hiện hành vi đối với bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi bắt, giữ và đánh anh Phạm Hồng S nhằm chiếm đoạt tài sản.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L và bị cáo T có thời gian phục vụ trong Quân đội;

Cha các bị cáo H, H, G có thời gian tham gia phục vụ trong Quân đội; cha bị cáo H được tặng thưởng giấy khen; cha bị cáo G được tặng thưởng huân chương; Ông nội bị cáo L tham gia Quân đội, được tặng thưởng huân huy chương; cha bị cáo L phục vụ trong lực lượng vũ trang; anh bị cáo L tham gia phục vụ trong Quân đội; Ông nội bị cáo T là liệt sỹ; các bị cáo L, G, T, H trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[5] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của từng bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Trần H là người rủ rê, cầm đầu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản, nên có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H là những người giúp sức cho bị cáo Trần H, có vai trò tương đương nhau, nên mức hình phạt tương đương nhau. Các bị cáo bị xét xử cùng 01 lần về nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 con dao gập dài 25 cm, 01 cặp côn nhị khúc bằng kim loại màu đen dài 28 cm, 01 cặp côn nhị khúc bằng kim loại màu trắng dài 30 cm và 01 con dao bầu dài 50 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Biên Hòa).

-Đối với 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B1-721.73 bị cáo G mượn của anh Trương Xuân G1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 60B8-603.08 bị cáo H mượn của anh Trần Đức H1; 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 73V1-7440 bị cáo L mượn của anh Trương Xuân T; 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 73C1-082.16 bị cáo T mượn của anh Trương Ngọc T1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A8 bị cáo H mượn của anh Trần Đức H1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 bị cáo H mượn của anh Trần Đình N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 bị cáo T mượn của chị Trương Thị X. Khi cho mượn xe, điện thoại thì anh G, anh H1, anh T, anh T1, anh N, chị X không biết việc các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cơ quan Điều tra đã trả lại các tài sản trên là phù hợp quy định của pháp luật; anh G1, anh H1, anh T1, anh Xuân T, anh N, chị X đã nhận lại tài sản, không có khiếu nại hay thắc mắc gì.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 và 300.000 đồng thu giữ của bị cáo L; 2.020.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân thu giữ của bị cáo H; 01 thẻ căn cước công dân và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 thu giữ của bị cáo L; 01 ví da, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank, 01 giấy phép lái xe, 20.000 đồng, 01 tờ giấy bạc Campuchia thu giữ của bị cáo T do không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại bị cáo L, H, L, T là phù hợp quy định của pháp luật;

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại, được bị hại bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với giao dịch mua bán đất giữa bị cáo H và anh Phạm Hồng S do xảy ra tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ của bị cáo Trần H bản chính gồm: Giấy đặt cọc đề ngày 10/6/2019 (bút lục 80b); Giấy hồi cọc đề ngày 27/8/2019 (bút lục 80a). Tại phiên tòa bị cáo Trần H có đơn xin nhận lại các giấy tờ trên. Đây là các tài liệu về giao dịch đất của cá nhân bị cáo Trần H, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Trần H.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải nộp.

[10] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần H:

08 (tám) tháng tù về tội về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”;

07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần H phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 30/9/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H mỗi bị cáo:

06 (sáu) tháng tù về tội về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”;

07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc các bị cáo Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H mỗi bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (tháng) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 30/9/2019.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao gập dài 25 cm, 01 cặp côn nhị khúc bằng kim loại màu đen dài 28 cm, 01 cặp côn nhị khúc bằng kim loại màu trắng dài 30 cm và 01 con dao bầu dài 50 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Biên Hòa).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần H, Đinh L1, Trương Xuân G, Trương Ngọc T, Trương Thanh L, Trần Thanh H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP Biên Hòa;
- Chi cục THA DS TP Biên Hòa;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được